

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 119/2019/HSPT
Ngày 28 - 03 - 2019

**NHÂN DA
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Tùng.

Các Thẩm phán: 1. Ông Trương Công Bình.

2. Ông Nguyễn Duy Thuần.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Văn Thành - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Bích Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 66/2019/TLPT-HS ngày 17/01/2019 đối với các bị cáo: Hồ Chí T, An Văn K, Nguyễn Ngọc Thanh P, Lê Hữu H, Vi Văn T, Lưu Trung N, Nguyễn Minh T1, Nguyễn Ngọc A, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Thị Bích K, Trần Hữu T2, Hồ Đăng H1 (Cóc), Nguyễn Văn H2, Đinh Văn L, Đào Văn T3, Nguyễn Quang M, do có kháng cáo của các bị cáo và Kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện K đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 66/2018/HSST, ngày 30/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk.

Các bị cáo có kháng cáo:

1. Họ và tên: **Hồ Chí T** - Sinh năm 1980 tại Thừa Thiên - Huế.

Nơi cư trú: Thôn H, xã T, huyện K, Đắk Lắk; nghề nghiệp: làm nông; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: kinh. Con ông: Hồ C; con bà: Trương Thị B; vợ là: Hoàng Lê Thùy A, có 02 con, lớn sinh năm 2008, nhỏ sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: Không. Là đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam, đã bị đình chỉ sinh hoạt Đảng.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/01/2018 đến ngày 03/4/2018 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cho gia đình bảo lãnh, hiện tại ngoại bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: **An Văn K** - Sinh năm 1987 tại Hải Dương.

Nơi cư trú: Thôn G, xã T, huyện M, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: lái xe; trình độ văn hóa: 3/12; dân tộc: kinh. Con ông: An Văn L; con bà: An Thị T; vợ là: Vũ Thị C; có 02 con, lớn sinh năm 2012, nhỏ sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/12/2017 đến ngày 17/5/2018 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cho gia đình bảo lãnh, hiện tại ngoại bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. Họ và tên: **Nguyễn Văn H2**- Sinh năm 1981 tại Thanh Hóa.

Nơi cư trú: Thôn Q, xã N, huyện E, Đắk Lắk; nghề nghiệp: làm nông; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: kinh. Con ông: Nguyễn Công H; con bà: Nguyễn Thị D; vợ là: Phùng Thị H; có 02 con, lớn sinh năm 2003, nhỏ sinh năm 2009; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/12/2017 đến ngày 09/02/2018 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cho gia đình bảo lãnh, hiện tại ngoại bị cáo có mặt tại phiên tòa.

4. Họ và tên: **Nguyễn Văn Đ** - Sinh năm 1987 tại Đắk Lắk.

Nơi cư trú: Thôn N, xã L, huyện A, Đắk Lắk; nghề nghiệp: làm nông; trình độ văn hóa: 8/12; dân tộc: kinh. Con ông: Nguyễn Văn M (chết); con bà: Cấn Thị T; vợ là: Lê Thị Đ; có 01 con sinh năm 2016.

Tiền án: có 01 tiền án. Ngày 28/11/2016 bị Tòa án nhân dân huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông xử phạt 04 tháng 21 ngày tù về tội “Đánh bạc”; tiền sự: Không có.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/12/2017 đến ngày 17/5/2018 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cho gia đình bảo lãnh, hiện tại ngoại bị cáo có mặt tại phiên tòa.

5. Họ và tên: **Nguyễn Thị Bích K** (N Đ) - Sinh năm 1962 tại Bình Định.

Nơi cư trú: TDP1, thị trấn C, huyện Đ, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: buôn bán; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: kinh. Con ông: Nguyễn Ngọc A (chết); con bà: Nguyễn Thị Đ (chết); chồng là: Nguyễn Minh Đ (đã ly hôn); có 08 con, lớn nhất sinh năm 1977, nhỏ nhất sinh năm 1995; tiền án, tiền sự: Không có.

Nhân thân: Ngày 29/9/2005 bị Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai xử phạt 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng về tội “Đánh bạc”. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/12/2017 đến ngày 19/01/2018 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cho gia đình bảo lãnh, hiện tại ngoại bị cáo có mặt tại phiên tòa.

6. Họ và tên: **Trần Hữu T2** - Sinh năm 1987 tại Đắk Lắk.

Nơi cư trú: Thôn D, xã X, huyện E, Đắk Lắk; nghề nghiệp: làm nông; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: kinh. Con ông: Trần Hữu Q; con bà: Vũ Thị T; vợ là: Nguyễn Thị Bích H; có 03 con, lớn nhất sinh năm 2009, nhỏ nhất sinh năm 2018.

Tiền án: có 01 tiền án. Ngày 30/7/2015 bị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xử phạt 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng về tội “Đánh bạc” (được rút ngắn thời gian thử thách của án treo 03 tháng, theo Quyết định số 09/2016/QĐ-TA ngày 01/6/2016 của Tòa án nhân dân huyện E); tiền sự: Không có. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/12/2017 đến ngày 17/5/2018 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cho gia đình bảo lãnh, hiện tại ngoại bị cáo có mặt tại phiên tòa.

7. Họ và tên: **Nguyễn Ngọc A** - Sinh năm 1975 tại Thái Bình.

Hộ khẩu thường trú: 16L, Phường L, T2 phố B, Đắk Lắk; nơi cư trú: Số L, Phường T, thành phố B, Đắk Lắk; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: kinh. Con ông: Nguyễn Trọng S; con bà: Lê Thị H; vợ là: Trần Hoàng Y; có 03 con, lớn nhất sinh năm 1997, nhỏ nhất sinh năm 2006.

Tiền án: có 01 tiền án. Ngày 24/9/2015 bị Tòa án nhân dân thành phố B xử phạt 01 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng”; nhân thân: Ngày 07/11/2003 bị Tòa án nhân dân thành phố B xử phạt 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 15 tháng về tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ”. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/12/2017 đến ngày 17/5/2018 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cho gia đình bảo lãnh, hiện tại ngoại bị cáo có mặt tại phiên tòa.

8. Họ và tên: **Nguyễn Minh T1** - Sinh năm 1986 tại Đắk Lắk.

Nơi cư trú: Ấp 1, xã V, huyện Q, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: lái xe; trình độ văn hóa: 11/12; dân tộc: kinh. Con ông: Nguyễn Thanh M; con bà: Phạm Thanh H; vợ là: Trần Thị Trúc P; có 01 con sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/12/2017 đến ngày 09/02/2018 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cho gia đình bảo lãnh, hiện tại ngoại bị cáo có mặt tại phiên tòa.

9. Họ và tên: **Nguyễn Quang M** - Sinh năm 1997 tại Đắk Lắk.

Nơi cư trú: Thôn V, xã O, huyện K, Đắk Lắk; nghề nghiệp: lái xe; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: kinh. Con ông: Nguyễn Minh P; con bà: Lê Thị Ngọc T; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/12/2017 đến ngày 09/02/2018 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cho gia đình bảo lãnh, hiện tại ngoại bị cáo có mặt tại phiên tòa.

10. Họ và tên: **Lê Hữu H (Nhỏ)** - Sinh năm 1983 tại Thừa Thiên - Huế.

Nơi cư trú: Thôn M, xã T, huyện K, Đắk Lắk; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh. Con ông: Lê T (chết); con bà: Phan Thị H; vợ là: Văn Thị T; có 02 con, lớn sinh năm 2009, nhỏ sinh năm 2011; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại bị cáo có mặt tại phiên tòa.

11. Họ và tên: **Nguyễn Ngọc Thanh P (Chết)** - Sinh năm 1986 tại Đắk Lắk.

Nơi cư trú: Thôn G, xã T, huyện K, Đắk Lắk; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh. Con ông: Nguyễn T; con bà: Nguyễn Thị S; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại bị cáo có mặt tại phiên tòa.

12. Họ và tên: **Vì Văn T6** - Sinh năm 1994 tại Gia Lai.

Nơi cư trú: Thôn J, xã D, huyện K, Đắc Lắc; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa: 8/12; dân tộc: Thái. Con ông: Vì Văn H (chết); con bà: Nguyễn Thị S; vợ là: Hoàng Thị Kiều O; có 01 con sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không

Nhân thân: Ngày 24/12/2013 bị Tòa án nhân dân tỉnh Đắc Lắc xử phạt 02 năm 03 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại bị cáo có mặt tại phiên tòa.

13. Họ và tên: **Đào Văn T3** (T3 ve) - Sinh năm 1977 tại Hưng Yên.

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã X, huyện E, Đắc Lắc; nghề nghiệp: làm nông; Trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Kinh. Con ông: Đào Văn H; con bà: Phan Thị H; vợ là: Lê Thị Yên; có 03 con, lớn nhất sinh năm 2001, nhỏ nhất sinh năm 2005; tiền án, tiền sự: Không có.

Bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại bị cáo có mặt tại phiên tòa.

14. Họ và tên: **Đinh Văn L** - Sinh năm 1969 tại Quảng Bình.

Nơi cư trú: Thôn R, xã D, huyện K, Đắc Lắc; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh. Con ông: Đinh Văn K (chết); con bà: Ngô Thị C (chết); vợ là: Cao Thị X; có 04 con, lớn nhất sinh năm 1995, nhỏ nhất sinh năm 2005; tiền án, tiền sự: không có.

Bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại bị cáo có mặt tại phiên tòa.

15. Họ và tên: **Lưu Trung N** - Sinh năm 1990 tại Đắc Lắc.

Nơi cư trú: Thôn 10, xã X, huyện K, Đắc Lắc; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh. Con ông: Lưu Đình C; con bà: Bùi Thị N; vợ là: Đinh Thị Trà M; có 01 con sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 20/12/2017 đến ngày 29/12/2017, được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại bị cáo có mặt tại phiên tòa.

16. Họ và tên: **Hồ Đăng H1** (Cóc) - Sinh năm 1975 tại Thừa Thiên - Huế.

Nơi cư trú: Thôn Z, xã T, huyện K, Đắc Lắc; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa: 8/12; dân tộc: Kinh. Con ông: Hồ Đăng S (chết); con bà: Lê Thị N; vợ là: Trần Thị H; có 03 con, lớn nhất sinh năm 1996, nhỏ nhất sinh năm 2006.

Tiền án: Ngày 28/5/2015 bị Tòa án nhân dân tỉnh Đắc Lắc xử phạt 05 tháng tù về tội “Đánh bạc”, chấp hành xong hình phạt ngày 11/5/2017.

Nhân thân: Ngày 10/8/2006 bị Tòa án nhân dân tỉnh Đắc Lắc xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “Đánh bạc”. Bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại bị cáo có mặt tại phiên tòa.

* Luật sư bào chữa cho bị cáo Hồ Đăng H1: Ông Nguyễn Tiến T- Luật sư Văn phòng Luật sư Bách Khoa - Đoàn luật sư tỉnh Đắc Lắc.

Ngoài ra còn có bị cáo không có kháng cáo, không bị kháng nghị gồm: Bị cáo Vương Thị Huyền T5, Ngô Đình P1, Hoàng Thanh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng đầu tháng 12/2017, Hồ Chí T có ý định tổ chức sòng bạc để thu lợi bất chính nên đã liên hệ với Lê Hữu H, Nguyễn Ngọc Thanh P, Vì Văn T1, Nguyễn Văn H2, An Văn K, Nguyễn Văn T, Nguyễn Minh T1, Nguyễn Minh P, Vương Thị Huyền T5, Lưu Trung N và T4 (chưa rõ nhân thân, lai lịch), về việc mở sòng bạc thì những người này đồng ý. Để tổ chức, duy trì sòng bạc và liên hệ các con bạc tham gia, T phân công H, P, T, T4 tìm kiếm địa điểm, chuẩn bị công cụ, phương tiện, dụng cụ, kéo điện, trực tiếp tham gia các vai trò như: canh gác, cầm cái, thu tiền xâu, phục vụ thuốc, nước... trong quá trình đánh bạc. T thỏa thuận trả tiền công cho mỗi người là 300.000 đồng/ngày; H2 có nhiệm vụ chạy xe ô tô đón con bạc đến sẽ được T trả 500.000 đồng/chuyến; T4, P2, T2 và N sẽ vào sòng bạc để cho con bạc vay tiền, cầm cố tài sản khi các con bạc yêu cầu và hưởng lợi từ số tiền lãi suất theo thỏa thuận; T5 bán nước, thuốc lá cho các con bạc nhằm giúp sòng bạc duy trì tốt hơn.

Sáng ngày 19/12/2017, T, P, T, T4, H gặp nhau tại quán cà phê Hoa Giấy ở ngã tư xã D, huyện K để tiếp tục bàn bạc về việc tổ chức sòng bạc. Tại đây, T phân công P đi mua bát, ghế nhựa, bóng đèn. Sau đó, T4, T, P, H mang dụng cụ là cuốc, dây thừng đã chuẩn bị sẵn đi đến lô cao su thuộc thôn U, xã D, huyện K để san đất, dựng lều. Còn T4 nhờ 02 người đàn ông (chưa rõ nhân thân lai lịch) đấu nối điện từ đường dây điện của ông Nguyễn Văn H2, trú tại thôn U, xã D đến sòng bạc, trưa cùng ngày thì dựng xong sòng bạc. Đến khoảng 19 giờ, T đến thôn U, xã D để chờ và đón các con bạc vào sòng bạc. T phân công T4 ở ngoài đường canh giới và đưa những người đánh bạc vào sòng bạc. H2 điều khiển xe ô tô biển số 47B- 005.22 chở 01 con bạc (chưa xác định được nhân thân lai lịch) đến sòng bạc. T5, P, T, H sắp xếp ghế để cho các con bạc ngồi. Khoảng 21 giờ cùng ngày các con bạc đã tập trung tại sòng bạc, T4, N, P2 và Nguyễn Minh T1 cũng có mặt tại đây để cho con bạc vay tiền, còn T5 bán nước và thuốc lá cho các con bạc. Lúc này, T nói T lấy cặp dụng cụ đánh bạc gồm bát, đĩa, cây sắt đục vĩa, lá bài tứ lơ khơ ra. Sau đó, T đục 04 con vĩa hình tròn từ lá bài tứ lơ khơ rồi phân công K xóc cái, H làm hồ lý (lấy tiền của người thua trả cho người thắng), T và hai người đàn ông đi cùng T4 thu tiền xâu. Lúc này, T thấy các con bạc đã đến đông nên T3 hành cho các con bạc đánh bạc.

Hình thức đánh bạc như sau: Người xóc cái dùng bát và đĩa úp lại với nhau bên trong có 04 con vĩa và xóc, sau khi xóc xong thì các con bạc lần lượt đặt cược tiền ở hai cửa “chẵn” và “lẻ” rồi nhà cái mở bát ra xem kết quả. Nếu đoán đúng với kết quả thì thắng với số tiền đã đặt cược. Quy định “chẵn” là bốn con vĩa cùng có mặt trên cùng màu với nhau (cả 04 mặt trắng hoặc 04 mặt đen) hoặc hai con vĩa có mặt trên cùng màu với nhau (02 con vĩa cùng màu trắng hoặc cùng màu đen). Quy định “lẻ” là mặt trên của 04 con vĩa có 03 con vĩa mặt màu đen và 01 con vĩa mặt màu trắng hoặc 03 con vĩa mặt màu trắng và 01 con vĩa mặt màu đen. Trong hình thức đánh xóc đĩa các con bạc còn có thể đoán màu của các con vĩa gọi là đánh Senko, đoán có 03 con vĩa màu đen hoặc 03 con vĩa màu trắng đúng thì tỉ lệ là 1 ăn 3, đoán có 04 con vĩa màu đen hoặc

04 con vị màu trắng đúng thì tỉ lệ là 1 ăn 9. Có khoảng từ 20 đến 30 người có mặt trong sòng bạc, trong đó một số người tham gia đánh bạc, một số người ngồi xem mà không tham gia. Các con bạc đến sòng bạc trong nhiều thời điểm khác nhau. Cụ thể diễn biến quá trình đánh bạc như sau: Sau khi các con bạc đã ngồi xuống chiếu bạc và các dụng cụ phục vụ đánh bạc đã chuẩn bị đầy đủ, T ra hiệu bắt đầu thì K tiến hành xóc cái, H làm hồ lý, T bảo T6 thu tiền xâu thì 02 người đàn ông đi cùng T4 giúp T6 thu tiền xâu, sau đó đưa tiền cho T6 giữ, đồng thời T6 và P làm cái Senkô. Các con bạc lúc này gồm: Nguyễn Thị Bích K, Đào Văn T3, Trần Hữu T2, Trần Duy Đ, Đinh Văn L, Nguyễn Văn H2, B (chưa rõ nhân thân lai lịch) và một số đối tượng khác chưa rõ nhân thân lai lịch tham gia đặt cược xuống chiếu bạc. H2 có 2.000.000đ đặt cược 05 ván thắng 3.400.000đ; K có 695.000đ đặt 02 ván thua 400.000đ; T2 có 200.000đ đặt cược 01 ván thua 200.000đ; T3 có 5.000.000đ đặt 02 ván thua 400.000đ; L có 1.000.000đ, mượn của N 2.000.000đ đặt 04 ván thua 1.000.000đ, 2.000.000đ trả cho N. Đến khoảng gần 22 giờ Hồ Đăng H cùng Nguyễn Khoa H1(thường gọi là Mít) đến sòng bạc. H mượn của N 20.000.000đ ngồi xuống chiếu bạc và tham gia đặt cược còn H1 ngồi gần đó xem, không tham gia chơi.

Đến khoảng hơn 22 giờ, Phan Quốc K2 điều khiển xe ô tô BKS: 47A-008.52 chở Nguyễn Ngọc A, Nguyễn Văn Đ, Trần Thị Diễm P, Phạm Thị Thu H, Trần Xuân T5 (khi bắt T5 khai tên giả là Trần Thanh H) đến. K2 để xe tại sân nhà ông Nguyễn Tiến D và ngồi lại trong xe, số người còn lại được Hoàng Thanh B và Lê Hữu H chở vào sòng bạc. Trong quá trình Lê Hữu H ra chở các con bạc thì Nguyễn Văn H2 thay H làm hồ lý. Khi vào sòng bạc, Nguyễn Ngọc A tham gia đặt cược 03 ván đều bị thua nên A đưa cho Đ 1.000.000 đồng rồi nhờ Đ đặt cược. Đ sử dụng 400.000 đồng đóng tiền xâu, số tiền còn lại, Đ đặt cược và bị thua. Thời gian đánh xong mỗi ván khoảng từ 03 đến 05 phút, số tiền trên chiếu bạc giao động mỗi ván khoảng 30.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng. Đến khoảng 23 giờ cùng ngày, khi các con bạc đang tham gia đánh bạc thì bị lực lượng Công an huyện K bắt quả tang, thu giữ tổng số tiền 287.206.000 đồng, trong đó thu giữ trên chiếu bạc là 59.709.000 đồng, thu giữ trên người các con bạc và một số người liên quan là 227.497.000 đồng.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 66/2018/HSST, ngày 30/11/2018 Tòa án nhân dân huyện Krông Năng đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn H2 phạm tội “Tổ chức đánh bạc” và tội “Đánh bạc”.

Tuyên bố các bị cáo Hồ Chí T, An Văn K, Nguyễn Ngọc Thanh P (Chệt), Lê Hữu H (Nhỏ), Vi Văn T, Lưu Trung N, Ngô Đình P, Nguyễn Minh T1, Nguyễn Quang M, Hoàng Thanh B và Vương Thị Huyền T5 phạm tội “Tổ chức đánh bạc”.

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Ngọc A, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Thị Bích K, Đào Văn T3 (T3 ve), Trần Hữu T2, Hồ Đăng H1 (Cóc) và Đinh Văn L phạm tội “Đánh bạc”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 249; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm a khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999.

1. Xử phạt: **Hồ Chí T** 03 năm 06 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án. Được khấu trừ thời gian đã tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/01/2018 đến ngày 03/4/2018.

- Áp dụng khoản 1 Điều 249; điểm p khoản 1 Điều 46; điểm a khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999.

2. Xử phạt: **Nguyễn Minh T1** 02 (hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án. Được khấu trừ thời gian đã tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/12/2017 đến ngày 09/02/2018.

3. Xử phạt: **An Văn K** 01 năm 03 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án. Được khấu trừ thời gian đã tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/12/2017 đến ngày 17/5/2018.

4. Xử phạt: **Lưu Trung N** 02 (hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án. Được khấu trừ thời gian đã tạm giữ, từ ngày 20/12/2017 đến ngày 29/12/2017.

- Áp dụng khoản 1 Điều 249; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm a khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999.

5. Xử phạt: **Nguyễn Ngọc Thanh P** (Chết) 02 (hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

6. Xử phạt: **Lê Hữu H** (Nhỏ) 01 năm 06 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

7. Xử phạt: **Vì Văn T6** 02 năm 06 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

- Áp dụng khoản 1 Điều 249; điểm h, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999.

8. Xử phạt: **Ngô Đình P** 20.000.000 đồng.

9. Xử phạt: **Nguyễn Quang M** 15.000.000 đồng.

10. Xử phạt: **Hoàng Thanh B** 20.000.000 đồng.

11. Xử phạt: **Vương Thị Huyền T5** 15.000.000 đồng.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 248; điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999.

12. Xử phạt: **Hồ Đăng H1** 03 năm 06 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 248; điểm p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999.

13. Xử phạt: **Trần Hữu T2** 03 (ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án. Được khấu trừ thời gian đã tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/12/2017 đến ngày 09/02/2018.

14. Xử phạt: **Nguyễn Văn Đ** 03 (ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án. Được khấu trừ thời gian đã tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/12/2017 đến ngày 17/5/2018.

15. Xử phạt: **Nguyễn Ngọc A** 02 năm 06 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án. Được khấu trừ thời gian đã tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/12/2017 đến ngày 17/5/2018.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 248; điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999.

16. Xử phạt: **Nguyễn Thị Bích K** 02 năm 06 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án. Được khấu trừ thời gian đã tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/12/2017 đến ngày 19/01/2018.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 248; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999.

17. Xử phạt: **Đinh Văn L** 02 (hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 248; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; khoản 1, khoản 2 Điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999.

18. Xử phạt: **Đào Văn T3** (T3 ve) 02 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo về cho Ủy ban nhân dân xã X, huyện E giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 248; khoản 1 Điều 249; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 50 Bộ luật hình sự năm 1999.

19. Xử phạt: **Nguyễn Văn H2** 02 năm 06 tháng tù về tội “Đánh bạc” và 01 năm 09 tháng tù về tội “Tổ chức đánh bạc”. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của cả hai tội là 04 năm 03 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án. Được khấu trừ thời gian đã tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/12/2017 đến ngày 09/02/2018.

Hủy bỏ biện pháp ngăn chặn bảo lãnh đối với các bị cáo Ngô Đình P, Hoàng Thanh B và Nguyễn Quang M (theo các Quyết định cho bảo lãnh số 13/2018/HSST-QĐ, số 15/2018/HSST-QĐ, số 16/2018/HSST-QĐ ngày 02 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện K); hủy bỏ biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú đối

với các bị cáo Vương Thị Huyền T5 và Đào Văn T3 (theo các Quyết định cấm đi khỏi nơi cư trú số 60/2018/HSST-QĐ, số 652018/HSST-QĐ ngày 02 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện K).

Về xử lý vật chứng: tuyên tịch thu tiêu hủy, gồm: 01 đĩa sứ; 01 bát nhựa; 04 con vị hình tròn; 01 tip sắt 2,5x13cm; 01 kim màu đỏ; 01 khúc gỗ 10x14x5cm; 01 con dao thái lan; 38 ghế nhựa màu đỏ 23x14x10cm; 12 ghế màu xA23x14x10cm; 03 ghế nhựa tựa lưng màu đỏ kích thước 27x27x43; 07 giỏ màu đỏ kích thước 30x20x10; 02 tấm bạt màu xA kích thước 8,4x1,4m; 01 tấm bạt kích thước 5,8x3m; 01 bạt kích thước 6,8m; 02 tấm bạt 40x45cm; 70m dây điện; 04 bóng đèn Compac hiệu Rạng Đông.

Ngoài ra bản án còn tuyên về hình phạt bổ sung, án phí, quyền kháng cáo của các bị cáo.

* Ngày 03, 04, 10, 11 tháng 12 năm 2018 các bị cáo Nguyễn Thị Bích K, Lê Hữu H, Đinh Văn L, Nguyễn Minh T1, Nguyễn Ngọc A, Vì Văn T1, An Văn K, Trần Hữu T2, Nguyễn Ngọc Thanh P và Lưu Trung N có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt được hưởng án treo.

* Ngày 04, 05, 11 tháng 12 năm 2018 các bị cáo Hồ Chí T, Nguyễn Văn H2, Nguyễn Văn Đ có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

* Ngày 11 tháng 12 năm 2018 bị cáo Hồ Đăng H có đơn kháng cáo kêu oan cho rằng hành vi của mình không phạm tội.

* Ngày 14 tháng 12 năm 2018 Viện Trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện K ban hành Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 35/QĐ-VKS-KNPT về kháng nghị một phần bản án hình sự sơ thẩm số 66/2018/HSST ngày 30/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện K đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng tăng mức hình phạt tù đối với bị cáo An Văn K, Nguyễn Ngọc Thanh P, Lê Hữu H, Vì Văn T1, Lưu Trung N, Nguyễn Minh T1, Nguyễn Văn H2, Hồ Đăng H1, Nguyễn Ngọc A, Nguyễn Văn Đ, Trần Hữu T2, Nguyễn Thị Bích K, Đinh Văn L; Tăng hình phạt, không cho bị cáo Đào Văn T3 được hưởng án treo và áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo Nguyễn Quang M; đồng thời thay đổi biện pháp tư pháp, tiếp tục tạm giữ đối với vật chứng đã thu.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Nguyễn Ngọc Thanh P, Nguyễn Văn H2, Nguyễn Văn Đ, Hồ Chí T, Nguyễn Văn Đ, Lưu Trung N đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản cáo trạng và bản án sơ thẩm đã nêu cũng như lời khai của bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm, tại cơ quan điều tra và vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo.

Riêng đối với bị cáo Hồ Đăng H1 vẫn khẳng định không tham gia đánh bạc, cho rằng lời khai của những người cùng tham gia đánh bạc là không đúng và vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo kêu oan.

*** Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk chấp nhận một phần Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 35/QĐ-VKS-KNPT ngày 14/12/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện K về hình phạt:** Đề nghị giữ nguyên hình phạt tù đối với các bị cáo Hồ Chí T, Nguyễn Văn H2, Hồ Đăng H1, Nguyễn Văn Đ, Trần Hữu T2, không cho bị cáo Đào Văn T3 được hưởng án treo và áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo Nguyễn Quang M từ 01 năm 06 tháng tù đến 01 năm 09 tháng tù; Lê Hữu H 02 năm tù; giảm hình phạt tù cho Nguyễn Ngọc A từ 03 đến 06 tháng

Đề nghị giữ nguyên hình phạt của các bị cáo An Văn K, Nguyễn Ngọc Thanh P, Nguyễn Thị Bích K, Vi Văn T1, Lưu Trung N, Nguyễn Minh T1 và Đinh Văn L, nhưng cho các bị cáo được hưởng án treo.

Đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án hình sự sơ thẩm số: 66/2018/HSST ngày 30/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng về phần hình phạt và vật chứng cần tạm giữ để đảm bảo cho công tác điều tra.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

* Ông Nguyễn Tiến T- Luật sư bào chữa cho bị cáo H, trình bày: Hồ Đăng H tuy có đến sòng bạc do Hồ Chí T tổ chức, nhưng bị cáo H không tham gia đánh bạc. Qua các lời khai của các bị cáo tại cơ quan Điều tra không thống nhất thời gian bị cáo H1 đến sòng bạc, do vậy đề nghị Hội đồng xét xử hủy một phần bản án hình sự sơ thẩm đối với bị cáo Hồ Đăng H1 do bị cáo không phạm tội.

Bị cáo H1 đề nghị Hội đồng xét xử xem xét minh oan cho bị cáo không phạm tội, còn các bị cáo khác không tranh luận, bào chữa gì chỉ đề nghị HĐXX giảm nhẹ hình phạt và cho các bị cáo được hưởng án treo.

Các bị cáo không bào chữa, tranh luận gì về hành vi phạm tội của mình và giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Lời khai của các bị cáo, tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm, phù hợp các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Do ý thức coi thường pháp luật nên khoảng 23 giờ ngày 19/12/2017 Hồ Chí T có hành vi đã tổ chức phân công nhiệm vụ cho các bị cáo An Văn K, Nguyễn Ngọc

Thanh P (Chết), Lê Hữu H (Nhỏ), Vi Văn T, Nguyễn Minh H2, Lưu Trung N, Ngô Đình P, Nguyễn Minh T1 và Vương Thị Huyền T5, Nguyễn Quang M, Hoàng Thanh B chuẩn bị địa điểm, phương tiện, dụng cụ phục vụ cho việc đánh bạc cũng như chở các con bạc đến địa điểm đánh bạc, canh gác cầm cố tài sản và cầm cố tài sản cho các con bạc nhằm mục đích thu tiền xâu và thu lợi bất chính. Các con bạc Nguyễn Ngọc A, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Thị Bích K, Đào Văn T3 (T3 ve), Trần Hữu T2, Hồ Đăng H1(Cóc) và Đinh Văn L đánh bạc dưới hình thức xóc đĩa. Tổng số tiền dùng vào việc đánh bạc là 61.709.000 đồng (trong đó: thu trên chiếu bạc: 59.709.000 đồng và thu trên người của Lưu Trung N là 2.000.000 đồng là tiền của L dùng vào việc đánh bạc.

[1] Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo Hồ Chí T, An Văn K, Nguyễn Ngọc Thanh P (Chết), Lê Hữu H (Nhỏ), Vi Văn T, Nguyễn Minh H2, Lưu Trung N, Ngô Đình P, Nguyễn Minh T1 và Vương Thị Huyền T5, Nguyễn Quang M, Hoàng Thanh B về tội “Tổ chức đánh bạc”. Bị cáo Nguyễn Văn H2 về tội “Tổ chức đánh bạc” và tội “Đánh bạc”. Nguyễn Ngọc A, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Thị Bích K, Đào Văn T3 (T3 ve), Trần Hữu T2, Hồ Đăng H1 (Cóc) và Đinh Văn L về tội “Đánh bạc” là có căn cứ đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2] Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân huyện K về phần yêu cầu tăng mức hình phạt tù đối với các bị cáo, Hội đồng xét xét thấy:

[2.1] Tòa án cấp sơ thẩm xét xử và xử phạt các bị cáo, cụ thể:

Bị cáo Hồ Chí T 03 năm 06 tháng tù; An Văn K 01 năm 03 tháng tù; Nguyễn Ngọc Thanh P 02 năm tù; Lê Hữu H 01 năm 06 tháng tù, Lưu Trung N 02 năm tù, Nguyễn Minh T1 02 năm tù và Vi Văn T1 02 năm 06 tháng tù về tội “Tổ chức đánh bạc”. Nguyễn Ngọc A 02 năm 06 tháng tù; Nguyễn Văn Đ 03 năm tù; Trần Hữu T2 03 năm tù; Nguyễn Thị Bích K 02 năm 06 tháng tù; Đinh Văn L 02 năm tù; Hồ Đăng H1 03 năm 06 tháng tù đều về tội “Đánh bạc”. Xử phạt bị cáo Đào Văn T3 02 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Đánh bạc”. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H2 01 năm 09 tháng tù về tội “Tổ chức đánh bạc” và 02 năm 06 tháng tù về tội “Đánh bạc”. Là quá nghiêm khắc

Đối với bị cáo Nguyễn Quang M bị xử phạt tiền 15.000.000 đồng về tội “Tổ chức đánh bạc” là tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo. Bởi vì các bị cáo phạm tội lần đầu và được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ theo quy định của pháp luật.

Viện kiểm sát nhân dân huyện K kháng nghị yêu cầu tăng hình phạt tù đối với các bị cáo An Văn K, Nguyễn Ngọc Thanh P (Chết), Lê Hữu H (Nhỏ), Vi Văn T, Nguyễn Minh H2, Lưu Trung N, Ngô Đình P, Nguyễn Minh T1 và Vương Thị Huyền T5, Nguyễn Quang M, Hoàng Thanh B, Nguyễn Văn H2, Nguyễn Ngọc A, Nguyễn

Văn Đ, Nguyễn Thị Bích K, Đào Văn T3 (T3 ve), Trần Hữu T2, Hồ Đăng H1 (Cóc), Đinh Văn L, Nguyễn Quang M và không cho bị cáo T3 được hưởng án treo, bị cáo M hưởng hình phạt tiền là không có căn cứ, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng nghị về phần tăng hình phạt.

[2.2] Kháng nghị về phân giải quyết vật chứng: Tòa án cấp sơ thẩm tuyên tịch thu tiêu hủy, gồm: 01 đĩa sứ; 01 bát nhựa; 04 con vít hình tròn; 01 tít sắt 2,5x13cm; 01 kim màu đỏ; 01 khúc gỗ 10x14x5cm; 01 con dao thái lan; 38 ghế nhựa màu đỏ 23x14x10cm; 12 ghế màu xA23x14x10cm; 03 ghế nhựa tựa lưng màu đỏ kích thước 27x27x43; 07 giỏ màu đỏ kích thước 30x20x10; 02 tấm bạt màu xanh kích thước 8,4x1,4m; 01 tấm bạt kích thước 5,8x3m; 01 bạt kích thước 6,8m; 02 tấm bạt 40x45cm; 70m dây điện; 04 bóng đèn Compac hiệu Rạng Đông.

Tại quyết định số: 01/QĐ-CQĐT ngày 29/8/2018 của Cơ quan cảnh sát Điều tra Công an huyện K đã ra quyết định tách hành vi của Nguyễn Văn T về tội “Tổ chức đánh bạc” và hành vi “Đánh bạc” của Trần Duy Đ và một số đối tượng theo quyết định khởi tố bị can số: 125 ngày 17/8/2018 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Krông Năng. Nếu tuyên hủy các vật chứng nêu trên sẽ khó khăn trong công tác điều tra, xử lý tội phạm trong vụ án đã tách ra. Do vậy cần sửa bản án hình sự thẩm số: 60/2018/HSST ngày 30/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, về phần xử lý vật chứng tiếp tục tạm giữ đối với vật chứng đã thu giữ nói trên. Kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện K về xử lý vật chứng là có căn cứ cần được chấp nhận.

[3] Đối với kháng cáo của các bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt và một số xin được hưởng án treo của các bị cáo, tuy nhiên cũng cần phân tích cụ thể từng bị cáo:

Xét mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm xét xử đối với các bị cáo như đã nêu trên là quá cao.

- Đối với bị cáo Hồ Chi T tuy là người khởi xướng rủ rê, trực tiếp phân công cho các bị cáo khác trong việc tổ chức mở sòng bạc. Xét nhân thân bị cáo phạm tội lần đầu, sau khi phạm tội đã ra tự thú, thành khẩn khai báo ăn năn hối cải. Bị cáo cũng từng được khen thưởng trong công tác đấu tranh phòng chống tội phạm ở địa phương, mẹ bị cáo cũng là người có công với cách mạng được thưởng huy chương kháng chiến chống Mỹ cứu nước. Sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo đã nộp phần số tiền phạt bổ sung cũng thể hiện ăn năn hối cải của bị cáo, nên giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho bị cáo, nhưng cũng phải chịu mức hình phạt cao hơn các bị cáo khác.

- Đối với bị cáo Lê Hữu H (Nhỏ), sau khi phạm tội thành khẩn khai báo, sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo không cung cấp thêm được tình giảm nhẹ mới. Nhưng xét

thấy bị cáo phạm tội với vai trò thứ yếu, nên giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho bị cáo thể hiện tính nhân đạo của pháp luật.

- Đối với Hồ Đăng H1, xét nhân thân bị cáo đang có tiền án và nhân thân xấu về tội “Đánh bạc” chưa được xóa án tích mà còn vi phạm. Quá trình giải quyết vụ án, tại cơ quan Điều tra, Tòa án cấp sơ thẩm và cũng như tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo quanh co chối tội và kêu oan. Hội xét xử xét thấy các lời khai của các bị cáo Hồ Chí T, Lê Hữu H, An Văn K, Nguyễn Văn H2, Đinh Văn L, Vi Văn T1 và Nguyễn Minh T1 ở tại Cơ quan Điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm đều khẳng định Hồ Đăng H1 (Cóc) có tham gia đặt cược tiền 02 đến 03 lần. Tại phiên tòa phúc thẩm Hồ Chí T, Lê Hữu H, An Văn K, Vi Văn T1 và Nguyễn Minh T1 cũng khẳng định Hồ Đăng H1 (Cóc) có đánh bạc. Do vậy, kháng cáo kêu oan của bị cáo H1 là không có căn cứ để chấp nhận, bị cáo không thành khẩn khai báo nên giữ nguyên hình phạt đối với bị cáo H1.

- Đối với các bị cáo An Văn K, Nguyễn Ngọc Thanh P (Chệt), Vi Văn T, Lưu Trung N, Nguyễn Minh T1 và Nguyễn Quang M phạm tội “Tổ chức đánh bạc” với vai trò thứ yếu. Bị cáo Đào Văn T3 (T3 ve), Nguyễn Thị Bích K và Đinh Văn L phạm tội “Đánh bạc” với số tiền ít. Các bị cáo phạm tội lần đầu, tại cơ quan Điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm các bị cáo T2 khẩn khai báo ăn năn hối cải. Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo đều cung cấp được các tình tiết giảm nhẹ mới, bị cáo An Văn K có bác ruột là liệt sỹ trong thời kỳ chống Mỹ cứu nước, con của bị cáo bị bệnh bại não nằm một chỗ, đã nộp tiền phạt bổ sung và án phí hình sự sơ thẩm; bị cáo P có bố mẹ già yếu, bị cáo là lao động chính trong nhà và đã nộp tiền phạt bổ sung và án phí hình sự sơ thẩm; bị cáo T là người dân tộc thiểu số, có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn và đã nộp tiền phạt bổ sung cùng án phí HSST; bị cáo N có ông ngoại là liệt sỹ trong thời kỳ chống Mỹ cứu nước và đã nộp tiền phạt bổ sung cùng án phí HSST; bị cáo Nguyễn Minh T1 đã nộp tiền phạt bổ sung; bị cáo T3 có bố thương binh thời kỳ chống Mỹ cứu nước và được thưởng huân huy chương; bị cáo Nguyễn Thị Bích K bị bệnh tiểu đường và đã nộp tiền phạt bổ sung và án phí hình sự sơ thẩm; bị cáo Đinh Văn L từng đã công tác trong quân đội, có bố từng tham gia công nhân hỏa tuyến trong thời kỳ chống Mỹ cứu nước. Bị cáo T3 không kháng cáo, nhưng xét thấy mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 02 năm 06 tháng tù nhưng cho án treo cũng có phần nghiêm khắc, Hội đồng xét xử xem xét khi lượng hình. Các bị cáo đều có nơi cư trú rõ ràng, đều có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, xét thấy nên giảm một phần trách nhiệm hình sự cho các bị cáo và không cần phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội mà cho các bị cáo được tự cải tạo ngoài xã hội cũng đủ giáo dục các bị cáo thành công dân có ích cho xã hội.

- Đối với bị cáo Nguyễn Ngọc A, số tiền đánh bạc ít, sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo cung cấp thêm, bố bị cáo là người có công với cách mạng, bị cáo đã nộp số tiền phạt bổ sung và án phí hình sự sơ thẩm cũng thể hiện sự ăn năn hối cải của bị cáo cũng nên giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho bị cáo, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

Bị cáo Nguyễn Văn H2 bị xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội “Đánh bạc”, 01 năm 09 tháng tù về tội “Tổ chức đánh bạc”. Bị cáo Nguyễn Văn Đ và bị cáo Trần Hữu T2 bị xử phạt (mỗi bị cáo) 03 năm tù về tội “Đánh bạc”, là có phần nghiêm khắc. Sau khi xét xử sơ thẩm, các bị cáo H2, Đ, T2 tuy không cung cấp được thêm về tình tiết giảm nhẹ mới. Thể hiện tính nhân đạo của pháp luật Nhà nước ta nên giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho các bị cáo, để các bị cáo yên tâm cải tạo sớm về sum họp cùng gia đình.

Sửa bản án hình sự sơ thẩm số: 66/2018/HSST ngày 30/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng về phần hình phạt và xử lý vật chứng.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Về án phí: Do được chấp nhận kháng cáo nên các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c, e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật tố tụng hình sự.

- Chấp nhận một phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện K.
- Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Lê Hữu H (Nhỏ).
- Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Hồ Đăng H1 (Cóc)

Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Hồ Chí T, bị cáo An Văn K, Nguyễn Ngọc Thanh P (Chết), Vì Văn T, Nguyễn Văn H2, Lưu Trung N, Nguyễn Minh T1, Nguyễn Văn H2, Nguyễn Ngọc A, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Thị Bích K, Trần Hữu T2, Đinh Văn L.

Sửa bản án hình sự sơ thẩm số: 66/2018/HSST ngày 30/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng về phần hình phạt.

[1.1] Về trách nhiệm hình sự:

Áp dụng khoản 1 Điều 249; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999.

1. Xử phạt: **Hồ Chí T** 02 năm tù về tội “Tổ chức đánh bạc”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án. Được khấu trừ thời gian đã tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/01/2018 đến ngày 03/4/2018.

- *Áp dụng khoản 1 Điều 249; điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999.*

2. Xử phạt: **Lê Hữu H** (Nhỏ) 01 năm 03 tháng tù về tội “Tổ chức đánh bạc”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 248; khoản 1 Điều 249; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 50 Bộ luật hình sự năm 1999.

3. Xử phạt: **Nguyễn Văn H2** 02 năm tù về tội “Đánh bạc” và 01 năm 09 tháng tù về tội “Tổ chức đánh bạc”. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của cả hai tội là 03 năm 09 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án. Được khấu trừ thời gian đã tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/12/2017 đến ngày 09/02/2018.

- *Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 248; điểm p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999.*

4. Xử phạt: **Trần Hữu T2** 02 (hai) năm tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án. Được khấu trừ thời gian đã tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/12/2017 đến ngày 09/02/2018.

5. Xử phạt: **Nguyễn Văn Đ** 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án. Được khấu trừ thời gian đã tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/12/2017 đến ngày 17/5/2018.

6. Xử phạt: **Nguyễn Ngọc A** 02 năm tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án. Được khấu trừ thời gian đã tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/12/2017 đến ngày 17/5/2018.

7. Xử phạt: **Hồ Đăng H1** 03 năm 06 tháng tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

- *Áp dụng khoản 1 Điều 249; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46, khoản 1, khoản 2 Điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999.*

8. Xử phạt: **Nguyễn Minh T1** 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “tổ chức đánh bạc” nH cho hưởng án treo, thời gian thử thách 03 năm. Thời hạn chấp hành tính từ ngày tuyên án phúc thẩm

Giao bị cáo Nguyễn Minh T1 về cho UBND xã L, A, tỉnh An Giang là nơi các bị cáo cư trú giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát giáo dục các bị cáo trong thời gian thử thách. Nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể

quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo qui định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

9. Xử phạt: **An Văn K** 01 năm 03 tháng tù về tội “Tổ chức đánh bạc” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 năm 06 tháng. Thời hạn chấp hành tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo An Văn K về cho UBND xã C, huyện M, tỉnh Hải Dương là nơi bị cáo cư trú giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát giáo dục các bị cáo trong thời gian thử thách. Nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo qui định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

10. Xử phạt: **Lưu Trung N** 01 (một) năm 06 tháng tù về tội “Tổ chức đánh bạc” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 03 năm. Thời hạn chấp hành tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

11. Xử phạt: **Nguyễn Ngọc Thanh P** (Chết) 01 (một) năm 06 tháng tù về tội “Tổ chức đánh bạc” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 03 năm. Thời hạn chấp hành tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

12. Xử phạt: **Vì Văn T6** 01 (một) năm 09 tháng tù về tội “Tổ chức đánh bạc” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 03 năm 06 tháng. Thời hạn chấp hành tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

13. Xử phạt: **Đinh Văn L** 02 (hai) năm tù về tội “Đánh bạc” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 04 năm, thời hạn tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Lưu Trung N về cho UBND xã X; giao bị cáo Vì Văn T1 và Đinh Văn L về cho UBND xã D; giao bị cáo Nguyễn Ngọc Thanh P về cho UBND xã G, huyện K, tỉnh Đắk Lắk là nơi các bị cáo cư trú giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát giáo dục các bị cáo trong thời gian thử thách. Nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành

hình phạt tù của bản án cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo qui định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 248; điểm p khoản 1, 2 Điều 46, khoản 1, 2 Điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999.

14. Xử phạt: **Nguyễn Thị Bích K** 02 năm tù về tội “Đánh bạc” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 04 năm. Thời hạn thi hành tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Thị Bích K về cho UBND thị trấn C, huyện Đ, tỉnh Gia Lai là nơi các bị cáo cư trú giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát giáo dục các bị cáo trong thời gian thử thách. Nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo qui định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 248; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; khoản 1, khoản 2 Điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999.

15. Xử phạt: **Đào Văn T3** (T3 ve) 02 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo về cho Ủy ban nhân dân xã X, huyện E giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

- Áp dụng khoản 1 Điều 249; điểm h, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999.

16. Xử phạt: **Nguyễn Quang M** 15.000.000 đồng.

Hủy bỏ biện pháp ngăn chặn bảo lãnh đối với số 16/2018/HSST-QĐ ngày 02 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện K);

[1.2] Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 41 BLHS năm 1999; Điều 106 BLTTHS năm 2015, Tạm giữ tang vật, gồm: 01 đĩa sứ; 01 bát nhựa; 04 con vị hình tròn; 01 típ sắt 2,5x13cm; 01 kim màu đỏ; 01 khúc gỗ 10x14x5cm; 01 con dao thái lan; 38 ghế nhựa màu đỏ 23x14x10cm; 12 ghế màu xA 23x14x10cm; 03 ghế nhựa tựa lưng màu đỏ kích thước 27x27x43; 07 giỏ màu đỏ kích thước 30x20x10; 02 tấm bạt màu xA kích thước 8,4x1,4m; 01 tấm bạt kích thước 5,8x3m; 01 bạt kích thước 6,8m; 02 tấm bạt 40x45cm; 70m dây điện; 04 bóng đèn Compac hiệu Rạng Đông. Để phục vụ cho công tác điều tra theo Quyết định số: 01/QĐ-CQĐT ngày 29/8/2018 của Cơ quan cảnh sát Điều tra Công an huyện Kđã ra quyết định tách hành vi của Nguyễn Văn T về tội “Tổ chức đánh bạc” và hành vi “Đánh bạc” của Trần Duy Đ và một số đối tượng theo quyết định khởi tố bị can số: 125 ngày 17/8/2018 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Krông Năng.

[2] Về án phí hình sự phúc thẩm:

- Các bị cáo Hồ Chí T, bị cáo An Văn K, Nguyễn Ngọc Thanh P (C1), Vì Văn T, Nguyễn Văn H2, Lưu Trung N, Ngô Đình P, Nguyễn Minh T1, Nguyễn Văn H2, Nguyễn Ngọc A, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Thị Bích K, Trần Hữu T2, Đinh Văn L và Nguyễn Quang M không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

- Bị cáo Hồ Đăng H1 (C2) phải chịu 200.000 đồng án phí HSPT.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk (02 bản);
- Phòng HSNV Công an tỉnh Đắk Lắk;
- VP CQCSĐT Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Sở Tư pháp;
- TAND huyện Krông Năng;
- VKSND huyện Krông Năng;
- Công an huyện Krông Năng;
- Chi cục THADS huyện K;
- THAHS Công an huyện Krông Năng;
- Dương sự;
- Bị cáo;
- Lưu Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Tùng